tōng jī lìng

# 通缉令

noun · wanted notice

## Example Sentences

jǐng chá tiē chū le tōng jī lìng
警察贴出了通缉令。

The police posted a wanted notice.

tōng jī lìng shàng yìn zhe xián yí rén de zhào piàn hé míng zì
通缉令上印着嫌疑人的照片和名字。

The wanted notice has the suspect's photo and name printed on it.

Trace each character, then write the word on your own.

通 通 通 通 通 通 通 通 通 通 通
通 通

缉 缉 缉 缉 缉 缉 缉 缉 缉 缉 缉
缉 缉 缉 缉

令 令 令 令 令 令 令 令